

Số: 452/QĐ-UBND

Tân Lợi, ngày 01 tháng 8 năm 2022

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2021 của xã Tân Lợi

### ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TÂN LỢI

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số: 27/NQ - HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân xã Tân Lợi về việc phê chuẩn quyết toán thu - chi ngân sách xã năm 2021;

Theo đề nghị của Ban Tài chính xã.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2021 của xã Tân Lợi (theo các biểu kèm theo Quyết định này).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Văn phòng Ủy ban nhân dân xã Tân Lợi, Ban tài chính tổ chức thực hiện Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban nhân dân huyện;
- Phòng Tài chính huyện;
- Đảng ủy - HĐND - UBND xã;
- Cơ quan của các đoàn thể ở xã;
- Các trưởng xóm;
- Lưu: VP UBND.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Đình Quốc Việt



## CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN
<b>TỔNG SỐ THU</b>	<b>5.718.497.030</b>	<b>TỔNG SỐ CHI</b>	<b>5.604.398.790</b>
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	73.247.313	I. Chi đầu tư phát triển	486.228.600
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	50.584.550	II. Chi thường xuyên	4.858.065.086
III. Thu bổ sung	5.205.580.600	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (nếu có)	260.105.104
- Bổ sung cân đối	4.226.510.000	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	
- Bổ sung có mục tiêu	979.070.600		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước	389.084.567		
V. Thu viện trợ			
VI. Thu hồi các khoản chi năm trước			
VII. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)			
<b>Kết dư ngân sách</b>	<b>114.098.240</b>		

uly

## QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

ST T	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN 5=3/1	THU NSX 6=4/2
A	B	1	2	3	4		
	<b>TỔNG THU</b>	<b>4.488.000.000</b>	<b>4.457.000.000</b>	<b>5.762.231.554</b>	<b>5.718.497.030</b>	<b>128</b>	<b>128</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản thu 100%</b>	<b>45.000.000</b>	<b>45.000.000</b>	<b>73.253.908</b>	<b>73.247.313</b>	<b>163</b>	<b>163</b>
	Phi, lệ phí	40.000.000	40.000.000	43.245.000	43.245.000	108	108
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
	Thu khác	5.000.000	5.000.000	30.008.908	30.002.313	600	600
<b>II</b>	<b>Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)</b>	<b>64.000.000</b>	<b>33.000.000</b>	<b>94.312.479</b>	<b>50.584.550</b>	<b>147</b>	<b>153</b>
1	Các khoản thu phân chia	64.000.000	33.000.000	94.312.479	50.584.550	147	153
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.500.000	1.500.000	2.252.275	2.252.275	150	150
	- Thuế thu nhập cá nhân	28.000.000		41.747.719		149	
	- Thuế GTGT	28.000.000	28.000.000	43.864.058	43.864.058	157	157
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh						
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	6.500.000	3.500.000	3.960.427	1.980.217	61	57
	- Thuế đất trồng cây lâu năm			2.488.000	2.488.000		
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định						
	-						
<b>III</b>	<b>Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)</b>						
<b>IV</b>	<b>Thu hồi các khoản chi năm trước</b>						
<b>V</b>	<b>Thu chuyển nguồn</b>						
<b>VI</b>	<b>Thu kết dư ngân sách năm trước</b>			<b>389.084.567</b>	<b>389.084.567</b>		
<b>VI</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>4.379.000.000</b>	<b>4.379.000.000</b>	<b>5.205.580.600</b>	<b>5.205.580.600</b>		<b>119</b>
	- Thu bổ sung cân đối	4.379.000.000	4.379.000.000	4.226.510.000	4.226.510.000		97
	- Thu bổ sung có mục tiêu			979.070.600	979.070.600		

nly



## QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN				SO SÁNH QT/DT (%)	
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	<b>TỔNG CHI</b>	5.406.629.167	486.228.600	4.920.400.567	5.604.398.790	486.228.600	5.118.170.190	103,66		104,02
	Trong đó	0			0					
1	Chi giáo dục	0			0					
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	0			0					
3	Chi y tế	53.342.000		53.342.000	53.342.000		53.342.000			
4	Chi văn hóa, thông tin	22.000.000		22.000.000	21.999.500		21.999.500	100,00		100,00
5	Chi phát thanh, truyền thanh	0		0	0					
6	Chi thể dục thể thao	50.000.000		50.000.000	0			0,00		0,00
7	Chi bảo vệ môi trường	0		0	0					
8	Chi các hoạt động kinh tế	526.228.600	486.228.600	40.000.000	526.228.600	486.228.600	40.000.000	100,00		100,00
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.677.262.567		4.677.262.567	4.664.927.586		4.664.927.586	99,74		99,74
10	Chi cho công tác xã hội	77.796.000		77.796.000	77.796.000		77.796.000	100,00		100,00
11	Dự phòng	0			0					
12	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau				260.105.104		260.105.104			

QUYẾT TOÁN CHI ĐÀU TƯ PHÁT TRIỂN<sup>(1)</sup> NĂM 2021

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công- hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ 01/01 đến 31/12/2021	Giá trị đã thanh toán năm 2021			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân		Tổng số	Trong đó thanh toán lũy kế năm trước	Chia theo nguồn vốn	
							Nguồn NSNN	Nguồn đóng góp
<b>I. Công trình chuyển tiếp</b>		<b>1.884.316.690</b>	<b>1.398.088.090</b>	<b>486.228.600</b>	<b>486.228.600</b>	<b>486.228.600</b>	<b>486.228.600</b>	<b>1.398.088.090</b>
- Đường bê tông xóm Na Tiêm, xã Tân Lợi	2020	123.200.520	91.213.320	31.987.200	31.987.200	31.987.200	31.987.200	91.213.320
- Đường bê tông xóm Cầu Lưu, xã Tân Lợi	2020	328.534.720	243.190.720	85.344.000	85.344.000	85.344.000	85.344.000	243.190.720
- Đường bê tông xóm Bảo Nang, xã Tân Lợi	2020	90.347.048	66.961.448	23.385.600	23.385.600	23.385.600	23.385.600	66.961.448
- Đường bê tông xóm Đồng Lâm, xã Tân Lợi	2020	43.530.851	32.241.251	11.289.600	11.289.600	11.289.600	11.289.600	32.241.251
- Đường bê tông xóm Tân Thành, xã Tân Lợi	2020	114.987.152	85.150.352	29.836.800	29.836.800	29.836.800	29.836.800	85.150.352
- Đường bê tông xóm Bờ Tắc, xã Tân Lợi	2018	63.612.962	46.703.762	16.909.200	16.909.200	16.909.200	16.909.200	46.703.762
- Đường bê tông xóm Cầu Lưu, xã Tân Lợi	2018	322.195.518	236.402.118	85.793.400	85.793.400	85.793.400	85.793.400	236.402.118
- Đường bê tông xóm Đồng Lâm, xã Tân Lợi	2018	103.267.794	75.824.994	27.442.800	27.442.800	27.442.800	27.442.800	75.824.994
- Xây dựng đường quản lý hồ, kết hợp đường dân sinh đập chính hồ Bãi Trản xóm Bảo Nang, xã Tân Lợi	2018	52.046.968	38.186.968	13.860.000	13.860.000	13.860.000	13.860.000	38.186.968
- Đường bê tông xóm Làng Chàng, xã Tân Lợi	2020	226.501.504	169.873.504	56.628.000	56.628.000	56.628.000	56.628.000	169.873.504
- Đường bê tông xóm Đồng Lâm (giai đoạn 2), xã Tân Lợi	2020	35.233.567	26.521.567	8.712.000	8.712.000	8.712.000	8.712.000	26.521.567
- Đường bê tông xóm Tân Thành (giai đoạn 2), xã Tân Lợi	2020	79.694.974	59.894.974	19.800.000	19.800.000	19.800.000	19.800.000	59.894.974
- Đường bê tông xóm Trại Đèo, xã Tân Lợi	2020	301.163.112	225.923.112	75.240.000	75.240.000	75.240.000	75.240.000	225.923.112
<b>2. Công trình khởi công mới</b>								
Trong đó: hoàn thành trong năm								
<b>Tổng cộng</b>		<b>1.884.316.690</b>	<b>1.398.088.090</b>	<b>486.228.600</b>	<b>486.228.600</b>	<b>486.228.600</b>	<b>486.228.600</b>	<b>1.398.088.090</b>

wly

**THỰC HIỆN THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2021**

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG	KẾ HOẠCH			THỰC HIỆN		
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)
<b>TỔNG SỐ</b>	-	-	-	<b>261.476.478</b>	<b>66.552.000</b>	<b>194.924.478</b>
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách	-	-	-	261.476.478	66.552.000	194.924.478
Quỹ Bảo trợ trẻ em				16.629.500	5.770.000	10.859.500
Quỹ đền ơn đáp nghĩa				69.645.000	18.900.000	50.745.000
Quỹ khuyến học				60.890.000	24.675.000	36.215.000
Quỹ Vì người nghèo				46.639.000	7.800.000	38.839.000
Quỹ chăm sóc NCT				65.240.978	7.407.000	57.833.978
Quỹ Bảo vệ & PTR				2.432.000	2.000.000	432.000
2. Các hoạt động sự nghiệp						
+ Chợ						
+ Bến bãi						
+						
+ ...						
....						

ky

**TỈNH THÁI NGUYÊN**  
**HUYỆN ĐỒNG HỖ**  
**XÃ TÂN LỢI**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO QUYẾT TOÁN**  
**Năm 2021**

**I/ Đặc điểm tình hình**

Tân Lợi là một xã dân tộc miền núi đặc biệt khó khăn, nằm ở phía Đông huyện Đồng Hỷ, xã cách trung tâm huyện khoảng 20 km về phía Đông, có diện tích đất tự nhiên là 2.020,11ha, đời sống của nhân dân chủ yếu dựa vào sản xuất nông, lâm nghiệp, phía Đông tiếp giáp với xã Hợp Tiến, phía Nam giáp Tân Khánh – Phú Bình, phía Tây giáp Bàn Đát – Phú Bình, phía Bắc giáp Thị Trấn Trại Cau. Địa bàn xã có một đường tỉnh lộ 17 đi qua, một đường 269c xuống huyện Phú Bình và một đường sắt Hà Thái.

Tổng số hộ trên toàn xã là 1.279 hộ với 5.743 khẩu gồm 6 dân tộc anh em chung sống. Trong đó đồng bào dân tộc thiểu số chiếm trên 70%, trình độ dân trí không đồng đều.

Năm 2021, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc xã Tân Lợi tiếp tục thực hiện Nghị quyết HĐND xã khoá XIX nhiệm kỳ 2016-2021. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Đảng uỷ, HĐND, UBND, sự nỗ lực phấn đấu của đội ngũ cán bộ thu, năm 2021 đã hoàn thành vượt mức dự toán Huyện giao.

UBND xã báo cáo kết quả thực hiện Dự toán Thu-Chi ngân sách năm 2021, như sau:

**II/ Tình hình ngân sách và tài chính của xã năm 2021**

**I, Ngân sách xã**

**a, Thu ngân sách**

Tổng thu ngân sách Nhà nước năm 2021 và bổ sung trong năm là 5.762.231.554/4.488.000.000đồng đạt 128,4% dự toán. Trong đó: Thu trong cân đối so với dự toán Huyện giao đạt: 167.566.387đồng/109.000.000đồng đạt 153,7%.

Tổng thu ngân sách xã năm 2021: 5.718.497.030/4.457.000.000đồng đạt 128,3% dự toán huyện và HĐND xã giao.

Đánh giá kết quả thu: Do được sự chỉ đạo sát sao của thường vụ Đảng uỷ, HĐND cùng với các biện pháp cương quyết của UBND, HĐTƯ thuế đã thường xuyên bám nắm địa bàn khai thác triệt để các nguồn thu hiện có, đảm bảo thu đúng thu đủ. Một số các nguồn thu tăng khá cao như:

- Thuế GTGT:  $43.864.058/28.000.000đ = 156,7\%$
- Thuế TNCN từ SXKD:  $28.592.029/14.000.000đ = 204,2\%$
- Lệ phí môn bài:  $5.300.000/3.000.000đ = 176,6\%$
- Thu khác:  $30.002.213/5.000.000 = 600\%$

Nguyên nhân tăng với các khoản thu trên là: Do việc chỉ đạo kịp thời của Chi cục thuế, lãnh đạo địa phương sự phối kết hợp của HĐTV thuế luôn thu đúng, thu đủ, không để thất thoát nguồn thu.

Bên cạnh đó, còn có nguồn thu không đạt như lệ phí trước bạ, Thuế TNCN từ chuyển quyền. Nguyên nhân là do nhu cầu chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hồ sơ chuyển đổi của nhân dân còn ít.

\* Thu điều tiết ngân sách xã hưởng: 123.831.863đ.

\* Kết dư ngân sách năm 2020: 389.084.567 đồng, trong đó:

- Kinh phí hỗ trợ xã về đích Nông thôn mới:	255.000.000đ
- Kinh phí hỗ trợ hoạt động:	30.000.000đ
- Nguồn dự phòng năm 20210:	31.870.000đ
- Nguồn tiết kiệm chi năm 2020:	61.000.000đ
- Nguồn vượt thu năm 2020:	10.006.690đ
- Duy tu, bảo dưỡng năm 2020:	36.000đ
- Nguồn chi khác năm 2020:	1.171.877đ

\* Thu từ bổ sung cân đối: 4.226.510.000đ.

\* Các khoản thu bổ sung theo mục tiêu năm 2021 là: 979.070.600đ.

Gồm các khoản thu sau :

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Số tiền</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>979.070.600</b>
1	Kinh phí tặng quà chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi năm 2022	18.200.000
2	Kinh phí chi Đại hội Hội LHPN cấp cơ sở	18.000.000
3	Kinh phí Đại hội thể dục thể thao cấp cơ sở	35.000.000
4	Kinh phí Đại hội Hội NCT cấp cơ sở	3.000.000
5	Kinh phí chi bầu cử đại biểu Quốc hội và HĐND các cấp	210.100.000
6	Kinh phí chi phòng chống dịch Covid-19 cho bầu cử	12.770.000
7	Kinh phí chi phòng chống dịch viêm da nổi cục trên địa bàn	20.000.000
8	Kinh phí mua xi măng xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn mới năm 2020	181.843.200
9	Kinh phí chi công tác quản lý thủy lợi trên địa bàn năm 2021	10.000.000
10	Kinh phí Đại hội Hội CTĐ cấp cơ sở	3.000.000
11	Kinh phí chi trả mai táng phí đối với GD ông Nguyễn Văn Quyền	14.900.000
12	Kinh phí chi tiền ăn huấn luyện dân quân năm 2021	25.172.000
13	Kinh phí tổ chức diễn tập chiến đấu phòng thủ năm 2021	92.700.000
14	Kinh phí mua xi măng xây dựng ĐBT năm 2020	160.380.000
15	Kinh phí hoàn ứng xi măng xây dựng ĐBT năm 2018	144.005.400
16	Kinh phí hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ các xã, thị trấn	30.000.000



**b, Tổng chi ngân sách năm 2021** là: 5.604.398.790đ/5.406.629.167đ đạt 103,66% so với dự toán giao đầu năm và bổ sung trong năm. Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển: 486.228.600đ/486.228.600đ đạt 100%.
- Chi thường xuyên: 4.858.065.086 đồng/4.920.400.567đ= 98,73% so với dự toán giao đầu năm và bổ sung trong năm.

- Chi chuyển nguồn: 260.105.104 đồng.

\* Kết dư ngân sách: 114.098.240 đồng, trong đó:

- Nguồn dự phòng năm 2021:	39.120.000đ
- Nguồn vượt thu năm 2021:	13.749.559đ
- Nguồn tiết kiệm chi 6 tháng cuối năm 2021:	10.500.000đ
- Kinh phí chi ĐH TĐTT:	35.000.000đ
- Kinh phí sự nghiệp TĐTT:	15.000.000đ
- Nguồn chi khác năm 2021:	728.681đ

### **c, Những thuận lợi khó khăn**

\* Thuận lợi:

Do được sự quan tâm chỉ đạo thường xuyên của Đảng uỷ, Chính quyền và các ban ngành địa phương, sự phối kết hợp nhịp nhàng giữa các Ban, ngành chuyên môn, sự cố gắng của cán bộ thuế phụ trách địa bàn, nhận thức về vai trò trách nhiệm của các hộ kinh doanh trong việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước ngày càng được nâng cao.

Dự toán phân bổ nguồn thu theo tiến độ từng tháng, quý và dự toán chi đã được phân bổ cụ thể cho từng ban ngành, từ đó các ban ngành đã chủ động được nguồn kinh phí bố trí công việc luôn đảm bảo theo tiến độ, yêu cầu của công việc.

\* Khó khăn

Năm 2021, chịu ảnh hưởng của dịch bệnh covid-19 nên hoạt động phát triển kinh tế của địa phương cũng bị tác động; hoạt động kinh doanh sản xuất của các cơ sở kinh doanh bị gián đoạn. Các hoạt động của địa phương bị tạm dừng do diễn biến dịch bệnh phức tạp, nhiều hoạt động chưa tổ chức được như Đại hội TĐTT cấp xã.

### **2, Các khoản thu hộ, chi hộ**

\* Chi hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách:

- Tồn đầu kì: 0 đồng
- Nhận trong kỳ: 57.172.800đồng
- Chi trong kỳ: 57.172.800đồng
- Tồn: 0 đồng

\* Quỹ phòng chống thiên tai:

- Tồn đầu kì: 0 đồng
- Thu trong kỳ: 3.714.000 đồng
- Chuyển cấp trên: 3.714.000 đồng
- Tồn: 0 đồng

\* Các khoản chi hộ khác:

- Tồn đầu kỳ: 20.580.000 đồng
- Nhận chi hộ trong kỳ: 92.348.819 đồng
- Chi hộ trong kỳ: 112.061.456 đồng
- Tồn: 867.363 đồng (Tiền hoa hồng cho đại lý BHYT)

### 3, Tình hình tăng giảm Tài sản cố định

T T	Tên tài sản	Năm đưa vào sử dụng	Số lượng tài sản	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
1	Đất trụ sở	2000	1	589.950.000	393.300.000		983.250.000
2	Nhà làm việc 3 tầng trụ sở xã	2015	1	5.198.752.000			5.198.752.000
3	Nhà hội trường và các công trình phụ trợ UBND xã Tân Lợi	2017	1	4.156.542.000	99.733.200		4.256.275.200
4	Kênh Hồ Đá Bạc, Gốc Đình xóm Làng Chàng, xã Tân Lợi	2016	1	947.046.000			947.046.000
5	Kiên cố hóa kênh mương hồ Đá Bạc, xã Tân Lợi, huyện Đồng Hỷ	2017	1	2.622.002.000			2.622.002.000
6	Sân bãi	1993	1	17.050.000			17.050.000
7	Máy tính	2009-2011, 2021	6	75.530.000	12.990.000		88.520.000
8	Bàn ghế tiếp khách	2015	2	25.000.000			25.000.000
9	Máy scan A4 HP	2016	1	11.750.000			11.750.000
10	Hệ thống camera UBND	2017	1	19.970.000			19.970.000
11	Bàn làm việc bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	2017	1	14.975.000			14.975.000
12	Máy tính đồng bộ CMS	2019	2	27.450.000			27.450.000
13	Máy Scan HP	2019	1	10.180.000			10.180.000
14	Hệ thống âm thanh loa đài	2019	1	64.000.000			64.000.000
15	Xây dựng mới khu thể thao xã Tân Lợi	2019	1	1.526.371.000			1.526.371.000
16	Phần mềm quản lý ngân sách dự án đầu tư PABMIS	2019	1	10.000.000			10.000.000
17	Nhà ở, bếp ăn, khu vệ sinh công an xã	2021	1	549.713.000			549.713.000
18	Sửa chữa, nâng cấp kênh mương xã Tân Lợi, huyện Đồng Hỷ	2021	1	2.202.445.000			2.202.445.000
19	Máy tính dạng Kiosk tra cứu thông tin – xếp hàng tự động	2021	1	83.000.000			83.000.000
<b>Cộng</b>				<b>18.151.726.000</b>	<b>506.023.200</b>		<b>18.657.749.200</b>

### III. Kết luận, kiến nghị, đề xuất.

Nhìn chung việc thực hiện ngân sách năm 2021 về cơ bản đã hoàn thành tốt mọi chỉ tiêu kế hoạch đề ra, khai thác triệt để các nguồn thu phát sinh trên địa bàn, đảm bảo thu đúng, thu đủ, không bỏ sót nguồn thu, thể hiện sự quan tâm thường xuyên của các cấp lãnh đạo, Hội đồng tư vấn thuế và đội ngũ cán bộ trực tiếp thu.

Về chi ngân sách, việc quản lý, điều hành chi ngân sách đảm bảo đúng theo luật, mọi khoản chi đều trong dự toán, đúng chế độ, đảm bảo nguyên tắc tài chính, phục vụ mọi hoạt động chính trị của địa phương.

Tân Lợi, ngày 20 tháng 4 năm 2022

**Nơi nhận:**

- Đảng uỷ, HĐND, UBND;
- Đại biểu HĐND xã;
- UB MTTQ & các Đoàn thể;
- Lưu VP.



**Thủ trưởng đơn vị**

**Đình Quốc Việt**

